TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng.

Ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2022/TLST-HNGĐ, ngày15 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ, ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998. Nơi ĐKHKTT: Thôn L1, xã L1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở: Thôn Thanh Tân, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Lưu Văn L2, sinh năm 1997. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn L1, xã L1, Huyên Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, không có ly do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Nguyễn Thị L) và anh Lưu Văn L2 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 17/9/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã L1, huyện S, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L1, xã L1, huyện S, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng cũng có những mâu thuẫn nhỏ. Sau đó mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh L2 không quan tâm đến gia đình, vướng vào tệ nạn xã hội, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đầu năm 2020 đến nay vợ chồng chị sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T3, xã S, huyện S, tỉnh T để sinh sống, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lưu Văn L2. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh L2 đều không có mặt.

- Về con chung: Anh chị có 01 (Một) con chung là cháu Lưu Trung Hoàn, sinh ngày 14/12/2019, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu và không yêu cầu anh L2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Lưu Văn L2 đến để giải quyết vụ án nhưng anh L2 đều không có mặt. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện nay anh L2 đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn L1, xã L1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Theo trình bày của người nhà anh L2 thì các văn bản Tòa án gửi về gia đình đều nhận được, anh L2 có biết việc chị L làm đơn xin ly hôn. Về quan hệ hôn nhân anh L2 và chị L có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị L L2 sống tại thôn L1, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Cũng từ đó đến nay chị L và anh L2 sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Chị L và anh L2 có một con chung là cháu Lưu Trung Hoàn, sinh ngày 14/12/2019, hiện nay cháu Hoàn đang ở với chị L.

Quan điểm của gia đình và chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân các bên tự quyết định. Về con chung thì nên giao cho cháu Hoàn cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có lý do chính đáng, nên đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật

hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2 ly hôn. Giao cháu Lưu Trung Hoàn, sinh ngày 14/12/2019 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Lưu Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định, anh Lưu Văn L2 không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh Lưu Văn L2 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn L1, xã L1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng nhưng anh L2 không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L2 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây được coi là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận, năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và ly thân đến nay; hai bên gia đình đã tác động, hòa giải nhưng không có kết quả, không hàn gắn được quan hệ vợ chồng, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2 ly hôn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Văn L2 có một con chung là cháu Lưu Trung Hoàn, sinh ngày 14/12/2019. Qua xác minh tại địa phương thể hiện kể từ khi chị L anh L2 ly thân thì cháu Hoàn sống cùng với chị L; còn anh L2 thì thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hơn nữa nguyện vọng của gia đình anh L2 và chính quyền địa phương nơi anh L2 sinh sống đều có quan điểm nên giao cháu Hoàn cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Lưu Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Lưu Văn L2.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Trung Hoàn, sinh ngày 14/12/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Lưu Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002444, ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Lưu Văn L2 không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phạm Văn Vượng	**Nguyễn Danh Long**	**Bàn Văn Thế**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã L1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế